

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **78/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 28/5/2018

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO-TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Sang.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1- Bà Nguyễn Thị Hôn.

2- Ông Từ Ngọc Viễn.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Ngọc Yến Oanh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang:***
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố MT, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2018 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Ngọc D**, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Số 1406 ấp Phong T, xã Tân Mỹ C, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 1406 ấp Phong T, xã Tân Mỹ C, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số 369 ấp Tân A, xã Tân X, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/02/2018 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc D trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn G quen biết với nhau và tổ chức đám cưới vào năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường tám, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/11/2012. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh G không lo cho gia đình, mê cờ bạc, ghen tuông vô cớ, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Năm 2014, chị D có nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện BT, tỉnh Bến Tre nhưng đã rút đơn để vợ chồng hàn gắn nhưng không được, anh chị đã ly thân từ tháng 02/2017 cho đến nay. Nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh G.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn G, Tòa án nhân dân thành phố MT đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định, nhưng anh G không nộp bản tự khai hoặc văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị D, anh G vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và các phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phần trình bày, tranh luận của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị Ngọc D với anh Nguyễn Văn G là tranh chấp “Ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố MT.

[2] Quá trình tố tụng, Tòa án nhân dân thành phố MT đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn G theo đúng quy định, nhưng anh G vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn G.

[3] Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Ngọc D yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn G; Con chung, tài sản chung, nợ chung không có, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc D, Hội đồng xét xử nhận định: Chị D và anh G có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường tám, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/11/2012 là hôn nhân hợp pháp. Theo chị D trình bày thì thời gian đầu vợ chồng chị chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 02/2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh G không lo cho gia đình, mê cờ bạc hay ghen tuông vô cớ, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm, chị và anh G đã ly thân từ tháng 02/2017 cho đến nay. Xét, từ khi anh G và chị D ly thân cho đến nay, anh chị không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm. Như vậy, mâu thuẫn giữa hai anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa hôm nay anh G vắng mặt, không đến dự phiên tòa để trình bày ý kiến của mình và biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, chị D yêu cầu được ly hôn với anh G là có cơ sở phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc D.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Nguyễn Văn G.

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012122 ngày 07/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố MT, tỉnh Tiền Giang nên xem như chị D đã nộp xong án phí.

Chị Nguyễn Thị Ngọc D có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn G vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKS nhân dân TP.MT;
- Chi cục Thi hành án DS TP.MT;
- UBND Phường tám, TP.MT, TG;
- Các đương sự:
 - + Chị Nguyễn Thị Ngọc D;
 - + Anh Nguyễn Văn G;
- Lưu hồ sơ, án văn-s.

(Đã ký)

Đinh Thị Sang